

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 17. Đánh giá và tính điểm học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên cụ thể hóa trong đề cương chi tiết, được Hội đồng Khoa phê duyệt hoặc theo quy định chung của Nhà trường, ở buổi học đầu tiên của lớp học phần, giảng viên phụ trách lớp học phần công bố đề cương chi tiết cho sinh viên. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận cụ thể như sau:

Điểm đánh giá học phần =

$0,6*A + 0,3*B + 0,1*C$; đối với học phần học và thi trực tiếp

$0,5*A + 0,4*B + 0,1*C$; đối với học phần học và thi trực tuyến

Trong đó:

- A là điểm thi kết thúc học phần;
- B là các giá trị trung bình cộng của các điểm thành phần: $B = (b1 + b2 + b3)/3$
- b1 là điểm kiểm tra thường xuyên;
- b2 là điểm kiểm tra giữa học kỳ;
- b3 là điểm tiểu luận (hay bài tập lớn hoặc điểm học phần thí nghiệm);
- C là các giá trị trung bình cộng của các điểm thành phần: $C = (c1 + c2)/2$
- c1 là điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận theo thang điểm 10;
- c2 là điểm chuyên cần được xác định như sau:
 - + Đi học đầy đủ $c2 = 10$ điểm;
 - + Nghỉ học không phép mỗi 2% số giờ học quy định thì bị trừ 1 điểm;
 - + Sinh viên nghỉ học không phép trên 20% số giờ quy định sẽ bị cấm thi, nhận 0 điểm, ký hiệu trên bảng điểm là chữ C và phải học lại.

Trường hợp học lại, các điểm thành phần A, B, C phải xác định lại từ đầu.

Các điểm thành phần cho theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Đối với các học phần vừa có thực hành/thí nghiệm vừa có lý thuyết: Sinh viên không hoàn thành phần thực hành/thí nghiệm sẽ không được thi phần lý thuyết và sẽ có

điểm đánh giá học phần 0 điểm. Sinh viên sau khi hoàn thành phần thực hành/thí nghiệm sẽ được thi lý thuyết.

3. Đối với các học phần thực hành/thí nghiệm: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành/thí nghiệm. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành/thí nghiệm trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành/thí nghiệm.

4. Sinh viên chỉ được phép thi kết thúc học phần sau khi đã hoàn thành việc đóng học phí của kỳ học theo quy định.

5. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần; riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án, khóa luận được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;

b) Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học;

c) Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

6. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng theo cách tính tại Khoản 1 Điều này. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại Điểm c) Khoản này:

a) Phân mức áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

Điểm theo hệ 10	Điểm chữ	Điểm theo hệ 4	Xếp loại
Từ 9,0 đến 10,0	A ⁺	4,0	Đạt
Từ 8,5 đến cận 9,0	A	3,7	
Từ 8,0 đến cận 8,5	B ⁺	3,5	
Từ 7,0 đến cận 8,0	B	3,0	
Từ 6,5 đến cận 7,0	C ⁺	2,5	
Từ 5,5 đến cận 6,5	C	2,0	
Từ 5,0 đến cận 5,5	D ⁺	1,5	
Từ 4,0 đến cận 5,0	D	1,0	Không đạt
Từ 0,0 đến cận 4,0	F	0	

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

- P: từ 5,0 trở lên.

c) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

- I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;
- X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;
- R: Điểm học phần được miễn học và công nhận TC.

7. Học lại học phần do không đạt hoặc để cải thiện điểm:

a) Sinh viên có điểm học phần không đạt phải đăng ký học lại theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 5 Quy chế này; điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần;

b) Sinh viên đã có điểm học phần đạt được đăng ký học lại để cải thiện điểm theo Khoản 1 Điều 11 Quy chế này.

Điều 18. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số theo quy định tại Khoản 6 Điều 17 Quy chế này.

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A : là điểm trung bình chung học kỳ (TBC) hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

a_i : là điểm của học phần thứ i đối với TBC, là điểm của học phần thứ i với $a_i \geq 4$ (thang điểm 10) hoặc $a_i \geq 1$ (thang điểm 4) đối với TBC tích lũy;

n_i : là số TC của học phần thứ i ;

n : là tổng số học phần đã học trong học kỳ hoặc đã tích lũy được đến thời điểm xét.

- Điểm TBC học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chính chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần học thứ nhất;

- Điểm TBC học kỳ và điểm TBC tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần có kết quả cao nhất trong các lần học.

3. Những điểm chữ không được quy định tại Điểm a) Khoản 6 Điều 17 Quy chế này không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc tích lũy. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

4. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau :

- | | |
|--------------------|--------------------------------------|
| - Loại xuất sắc: | Điểm TBC tích lũy từ 3,6 đến 4,0 |
| - Loại giỏi: | Điểm TBC tích lũy từ 3,2 đến cận 3,6 |
| - Loại khá: | Điểm TBC tích lũy từ 2,5 đến cận 3,2 |
| - Loại trung bình: | Điểm TBC tích lũy từ 2,0 đến cận 2,5 |
| - Loại yếu: | Điểm TBC tích lũy từ 1,0 đến cận 2,0 |
| - Loại kém: | Điểm TBC tích lũy dưới 1,0 |

5. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

Số TC tích lũy	Dưới 32	32 đến 64	65 đến 95	96 đến 127	Từ 128 trở lên
Xếp hạng năm đào tạo	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5

Sinh viên có trách nhiệm tự theo dõi kết quả học tập của mình để xác định xếp hạng năm đào tạo của cá nhân từ đó xác định kế hoạch và có hướng phấn đấu trong học tập.

6. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 19. Xử lý kết quả học tập theo TC

1. Cuối mỗi học kỳ chính, sinh viên được cảnh báo học tập dựa trên một số điều kiện như sau:

a) Tổng số TC không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký học trong học kỳ, hoặc tổng số TC nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24;

b) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai, dưới 1,6 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba dưới 1,8 đối với sinh viên các năm tiếp theo.

d) Sinh viên không đăng ký khối lượng học tập theo thông báo của Nhà trường.

2. Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

a) Tổng số lần cảnh báo học tập vượt quá 3 lần hoặc vượt quá 2 lần cảnh báo liên tiếp;

b) Thời gian học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 của Quy chế này.

3. Sinh viên bị cảnh báo học tập được đăng ký tối đa 14 TC và tối thiểu 10 TC cho một học kỳ chính.

4. Chậm nhất một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, phòng Công tác Chính trị - Sinh viên phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học, quy định tại Khoản 2 Điều này, được quyền xin xét chuyển qua học chương trình đào tạo đại học hệ VL VH và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới này. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 20. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi TC

1. Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được Nhà trường xem xét công nhận, chuyển đổi sang TC của những học phần trong chương trình đào tạo theo học.

2. Hội đồng Khoa và Nhà trường xem xét công nhận, chuyển đổi TC trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ:

- a) Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;
- b) Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;
- c) Công nhận, chuyển đổi theo cả chương trình đào tạo.

3. Quy đổi số đơn vị học trình /số TC của các học phần/ môn học trong chương trình đào tạo bậc trung cấp, cao đẳng của các cơ sở đào tạo khác sang số TC trong chương trình đào tạo liên thông của Nhà trường theo nguyên tắc:

- o 1-2 Đơn vị học trình = 1 TC;
- o 3-4 Đơn vị học trình = 2 TC;
- o 5-6 Đơn vị học trình = 3 TC;
- o 7-8 Đơn vị học trình = 4 TC.

4. Quyết định miễn môn do Hội đồng Khoa và Nhà trường xét theo nguyên tắc: Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo.

Điều 21. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ học phần, số TC và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, được đánh giá đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học (theo Khoản 4 Điều 18) đạt từ trung bình trở lên;

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hội đồng xét tốt nghiệp thông qua trước khi trình Hiệu trưởng xem xét quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ theo quy định.

3. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khoá được quy định tại Khoản 4 Điều 18 của Quy chế này, trong đó, hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Khối lượng của các học phần phải đăng ký học lại do không đạt (bị điểm F) vượt quá 5% so với tổng số TC quy định cho toàn chương trình;

b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

4. Trường hợp đặc biệt, khi đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa đạt chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ, Công nghệ thông tin, Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh, sinh viên có thời hạn tối đa 03 năm tính từ khi có Quyết định bảo vệ ĐATN, KLTN để hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

5. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của Nhà trường.

6. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp nhưng vẫn muốn tiếp tục học để nâng điểm trung bình chung tích lũy thì phải làm đơn xin hoãn công nhận tốt nghiệp, nộp cho Phòng ĐTDH qua Bộ phận Một cửa trong thời gian tối đa 04 tuần tính từ thời điểm có Quyết định bảo vệ ĐATN, KLTN.

7. Sinh viên hết thời gian học chính quy được chuyển qua học hình thức VLVH của Nhà trường nếu còn trong thời gian học tập theo quy định đối với hình thức đào tạo chuyển đến.

8. Hàng năm, Nhà trường công bố số lần và thời gian xét tốt nghiệp trên kế hoạch năm học.

Chương IV

NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Điều 22. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Sinh viên được xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;

b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;

c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;

d) Vì lý do cá nhân khác nhưng đã phải học tối thiểu 01 học kỳ và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân theo quy định tại Điểm d) Khoản 1 Điều này phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại Khoản 6 Điều 4 của Quy chế này. Thời gian cho 01 lần bảo lưu kết quả học tập không quá 02 học kỳ.

3. Sinh viên xin thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Những sinh viên này muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

4. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại Nhà trường, phải viết đơn xin quay trở lại học tập ít nhất 02 tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 23. Chuyển ngành, chuyển nơi học, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức học

1. Sinh viên được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác, hoặc một phân hiệu khác của Nhà trường, hoặc từ phân hiệu về trụ sở chính khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo, của trụ sở chính (hoặc phân hiệu) trong cùng khóa tuyển sinh;

c) Trụ sở chính (hoặc phân hiệu) có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng.

2. Sinh viên được xem xét chuyển cơ sở đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

c) Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng Nhà trường và cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

3. Sinh viên được xem xét chuyển từ đào tạo theo hình thức chính quy sang hình thức VLVH hoặc đào tạo từ xa của Nhà trường nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến.

4. Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của Nhà trường. Hiệu trưởng quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình đào tạo ở cơ sở đào tạo sinh viên xin chuyển đi.

Điều 24. Trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo

Điều kiện trao đổi sinh viên, hợp tác đào tạo, việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi TC cho sinh viên khi thực hiện chương trình đào tạo được quy định cụ thể trong các quy chế riêng hoặc biên bản, hợp đồng hợp tác đào tạo giữa Nhà trường và cơ sở đào tạo đối tác.

Điều 25. Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên có thể đăng ký học thêm các học phần của một chương trình khác, ngành khác, nhưng chỉ được hưởng các quyền lợi chính thức và được xem xét công nhận tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đã đăng ký thành công học chương trình thứ hai theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng 01 trong 02 điều kiện sau:

a) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;

b) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.

3. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo; sinh viên sẽ bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại Khoản 6 Điều 4 của Quy

chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đã đăng kí muộn nhất 02 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai.

Điều 26. Học liên thông đối với người có văn bằng khác

1. Người đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp được dự tuyển và học liên thông lên trình độ đại học theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Quy chế này.

2. Người đã tốt nghiệp đại học được dự tuyển và học liên thông để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học của một ngành đào tạo khác, khi ngành đó đã tuyển sinh được tối thiểu 03 khóa theo hình thức đào tạo mà người học lựa chọn.

3. Người học liên thông thực hiện chương trình đào tạo và đăng ký học tập theo kế hoạch chung như các sinh viên khác cùng hình thức đào tạo. Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi TC, sinh viên được miễn trừ các học phần tương ứng với những khối lượng học tập đã tích lũy theo quy định tại Điều 20 của Quy chế này.

4. Sau khi trúng tuyển vào trường, sinh viên cần nộp bằng điểm và bằng tốt nghiệp có chứng thực cho phòng ĐTĐH. Nhà trường ra quyết định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi TC (Quyết định miễn môn) theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

Điều 27. Xử lý vi phạm đối với sinh viên

1. Sinh viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng đối với sinh viên tuyển sinh từ khoá 69 trở đi, riêng điều khoản liên quan đến xử lý kết quả học tập áp dụng đối với sinh viên tất cả các khóa.

Đối với sinh viên khoá 68, 67, 66 áp dụng Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 768/QĐ-MĐC ngày 15/9/2021, trừ điều khoản liên quan đến xử lý kết quả học tập.

Đối với sinh viên khoá 65 trở về trước, áp dụng Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1740/QĐ-MĐC ngày 26/11/2018, trừ điều khoản liên quan đến xử lý kết quả học tập.

2. Các đơn vị trong Nhà trường có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Hiệu trưởng tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá và giải trình việc thực hiện Quy chế này theo đúng quy định tại Chương V của Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT và các quy định có liên quan.

4. Quy chế và các quy định liên quan được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Nhà trường theo quy định hiện hành.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật đó.

6. Hàng năm, căn cứ thực tế nếu thấy cần thiết Hiệu trưởng sẽ quyết định bổ sung, sửa đổi điều chỉnh Quy chế này cho phù hợp.